

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Chủ giảng: Cô Lưu Tố Vân

Giảng lần thứ hai tại Lục Hòa tiểu viện ngày 21/11/2020

Tập 2

Chư vị đồng tu tôn kính, xin chào mọi người. A Di Đà Phật!

Từ hôm nay trở đi, chúng tôi chính thức giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai. Tôi vô cùng vui mừng muốn nói cho mọi người biết, lúc tôi viết bản thảo bài giảng tập 1, lại một lần nữa cảm nhận được sự gia trì từ uy thần của chư Phật Như Lai, cảm nhận chân thực thân thiết này khiến tôi hân hoan khích lệ, tin tâm tăng trưởng. Tôi tin rằng có sự từ bi gia trì của mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai, có sự từ bi che chở của Thiên Long hộ pháp và chư thiện thần hộ pháp, có sự hộ trì mạnh mẽ của đoàn thể hộ pháp nhìn thấy được và không nhìn thấy được ở đạo tràng, có sự ủng hộ và khích lệ của đồng đạo đồng tu, lần thứ hai giảng kinh Vô Lượng Thọ nhất định sẽ thành công viên mãn. Đem công đức giảng kinh này hồi hướng cho sư trưởng, cầu nguyện sư trưởng trụ thế độ chúng sanh, đây là động lực lớn nhất giúp tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai. Hôm nay bắt đầu giảng giải tên kinh.

Lần đầu tiên giảng vào năm 2018 tôi đã giảng qua tên bộ kinh này, lần này tôi vẫn phải giảng, tại sao vậy? Không chỉ kinh văn có vô lượng ý nghĩa, mà tên kinh cũng có vô lượng ý nghĩa. Vô lượng ý nghĩa này có giảng vô lượng kiếp cũng giảng không hết. Lần này chúng ta từ một góc độ khác, từ một cấp bậc khác giải thích tên bộ kinh này, mục đích là giúp cho quý vị đồng tu có sự lý giải và nhận thức càng phong phú, càng sâu sắc hơn đối với tên của bộ kinh này. Đối với kinh văn, có giảng sâu, cũng có giảng sơ lược; đối với tên kinh cũng như vậy, có giảng sâu, có giảng sơ lược. Như vậy thì chúng sanh căn tánh khác nhau, cấp bậc khác nhau đều có được thu hoạch, có được lợi ích trong đó, chứ không ra về tay trắng.

“Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh”

Tên bộ kinh này độc đáo đặc sắc, độc đáo chính là độc nhất vô nhị, đặc sắc chính là khác biệt với các bộ kinh khác.

Điểm đặc biệt thứ nhất: tên bộ kinh này là do hội tập mà thành. Kinh văn trong bộ kinh này là hội tập, tên bộ kinh cũng là hội tập, là quyển kinh hội tập danh xưng với thực.

Điểm đặc biệt thứ hai: trình độ hội tập cấp cao tên bộ kinh này khiến người tán thán chẳng ngớt. Hội tập vô cùng tự nhiên, không chút sai sót nào, thật đúng là nét bút thần thánh.

Kinh Vô Lượng Thọ tổng cộng có mười hai bản dịch. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư không lấy tên của bản dịch thời Tống là “Phật thuyết đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm kinh” mà lấy một tên khác là “Phật thuyết đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm”, sau đó lại lấy tên của bản dịch thời Hán là “Thanh tịnh bình đẳng giác kinh”. Kết hợp lại thành “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh”, tên bộ kinh này đặt hay biết bao! Mười hai bản dịch, bản dịch thời Hán là bản dịch sớm nhất, bản dịch thời Tống là bản sau cùng, hội tập tên của hai bản dịch này thành một, ý nghĩa tên kinh của mười hai bản dịch đều viên mãn bao hàm trong đó. Thật sự là quá vi diệu, quá tuyệt vời. Nếu như không phải là người tái lai thì ai có thể hội tập tên bộ kinh cực kì hay như vậy!

Điểm đặc biệt thứ ba: y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc đã hiển lộ rất rõ ràng thông qua tên bộ Kinh. Điều này thật hiếm có, nội tên kinh thôi đã thu hút người khác rồi, chỗ tốt như vậy ai mà không muốn đi chứ! Tên bộ kinh này tương đương với thể lệ chiêu sinh của thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Điểm đặc biệt thứ tư: những gì chúng ta học, chúng ta tu, chúng ta hi vọng chứng đắc, toàn bộ đều nằm trong tên bộ kinh này. Một khi chúng đọc tên bộ kinh này sẽ thấy một cảm giác rất thân thiết. Đặc biệt là đối với những đồng tu đang tu pháp môn Tịnh Độ niệm Phật, quý vị có cảm giác đang trở về nhà không? Tôi sẽ giải thích cụ thể tên bộ kinh này. Có thể chia làm tám đoạn để giải thích:

Thứ nhất “Phật”

Chữ đầu tiên trong tên kinh là “Phật”. “Phật” là phiên dịch âm từ tiếng Phạn của Ấn Độ, là tên gọi tắt của Phật Đà trong tiếng Phạn. Chữ Hán vốn không có chữ Phật này, sau khi Phật pháp truyền vào Trung Quốc, phiên dịch kinh Phật, thời đó vẫn tự Trung Quốc không đủ dùng, có rất nhiều ý nghĩa mà từ vựng của chúng ta không có, vì thế mà tạo ra không ít chữ mới, để phù hợp với nhu cầu phiên dịch kinh điển. Chữ Phật cũng là từ mới được tạo ra. Chữ Phật không có bộ nhân bên cạnh là chữ cổ đọc là Phất, trước đó đã có rồi, âm đọc khá giống. Người Ấn Độ gọi Phật là bậc đại giác, cho nên mới mượn chữ Phất này, thêm một chữ nhân bên cạnh trở thành

chữ “Phật”, trở thành danh từ chuyên dùng cho Phật giáo. “Phật là bậc giác ngộ”, giác là đối với mê mà nói, mê tức là chúng sanh. Tam giác viên mãn thì là Phật. Phật có ý nghĩa là “trí”, cũng có ý nghĩa là “giác”, trí là thể, giác là dụng. Không có trí huệ thì không giác, không có trí huệ thì điên đảo mê hoặc. Thể và dụng không hai, dụng đương nhiên bao hàm thể. Ý nghĩa của Phật là bậc giác ngộ, là bậc giác ngộ cứu cánh viên mãn thấu triệt vũ trụ nhân sanh. Đối với bản thể, hiện tượng, tác dụng, quá khứ, hiện tại, vị lai của nhân sanh, không gì không giác, chẳng chút mê hoặc. Người như vậy, mọi người tôn xưng là Phật. Nói cách khác, Phật là chúng sanh viên mãn đầy đủ tam giác, chúng sanh là Phật chưa giác.

“Giác” có ba loại: thứ nhất là “tự giác”, thứ hai là “giác tha”, thứ ba là “giác mãn”. “Tự giác” là nói phàm phu chưa giác ngộ như chúng ta. Phàm phu điên đảo mê hoặc là chưa giác. Phàm phu trong lục đạo, không chỉ là cõi người, mà bao hàm cả cõi trời. Kinh Phật nói có hai mươi tám tầng trời, chia làm Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới. Thiên nhân trong hai mươi tám tầng trời này đều mê mà chưa giác. Quý vị nhất định không được cho rằng “tôi giác, tôi không mê”, quý vị làm sao lại không mê? Chỉ dựa vào câu nói này của quý vị cũng đủ thấy quý vị vô cùng mê rồi. Thiên nhân còn điên đảo mê hoặc, những cõi dưới cõi trời thì càng không cần nói tới, càng mê sâu hơn!

Người như thế nào mới không mê? Phật nói, chúng quả A La Hán mới được xem là không mê, là tứ quả La Hán của tiểu thừa. Trong Đại Thừa thường nói rằng, thực sự không mê là từ Sơ Trụ trở lên. Sơ Trụ Bồ Tát phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, thật sự không mê, thật sự giác rồi. Hôm nay chúng ta đặt tiêu chuẩn thấp nhất, đó là tiểu thừa tứ quả La Hán, đoạn hết kiến tư phiền não mới được xem là tự giác, giác ngộ, không mê hoặc nữa. Trong kinh điển Phật nói với chúng ta, nhất định phải chứng đắc tứ quả La Hán mới có thể tin tưởng tư tưởng, kiến giải của chính mình không có sai lầm. Nói cách khác, [người chứng] tam quả không dám nói rằng cách nhìn cách nói của tôi không sai. Chứng đắc tứ quả La Hán mới có thể nói tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, hành vi của chính mình không có sai lầm. Có thể thấy tiêu chuẩn này thực sự cao, nếu như chúng ta biết chính mình điên đảo mê hoặc, biết chính mình không giác thì có trợ giúp rất lớn đối với tu học. Biết sai là cái gốc để sửa sai, chính mình biết khiêm tốn, biết chính mình chưa được, nên nghiêm túc nỗ lực tu học. Người trên thế gian tại sao lại coi thường Phật Pháp? Tại sao lại không muốn học Phật? Đó là bởi vì họ cho rằng chính mình rất có năng lực, sự thông minh tài trí của họ vượt xa người thường, thậm chí cho rằng trí huệ năng lực của mình còn vượt qua chư Phật Bồ Tát. Tư tưởng kiến giải như vậy, họ làm sao có thể tiếp nhận lời dạy bảo của chư Phật Bồ Tát! Đây là sự khác biệt giữa giác và chưa giác.

Kinh Viên Giác nói rằng, hết thấy chúng sanh vốn là Phật, nhưng vì mê mắt chính mình mà trở thành phàm phu. Phật thuyết pháp 49 năm, không ngoài dạy chúng ta khôi phục bản lai diện mục, phá bỏ mê hoặc của chính mình mà thôi. “Viên mãn bồ đề, quy vô sở đắc”

Thứ hai là “Giác tha”. Giác tha để phân biệt với người tự giác. Thánh giả tiểu thừa là Tự giác, không chịu giác tha, chỉ lo hoàn thiện bản thân, không quan tâm người khác, tâm lượng nhỏ, tâm từ bi nhỏ, nếu như quý vị có duyên tìm họ, họ cũng chịu dạy quý vị; nếu vô duyên thì họ sẽ không giúp đỡ. Bồ Tát Đại Thừa tự giác giác tha, làm người bạn không mời, tâm lượng lớn, chủ động hoằng pháp, không sợ cực khổ. Chính mình giác ngộ, chính mình có được lợi ích thật sự của Phật pháp, còn phải giúp đỡ người khác, hi vọng ai cũng có thể đạt được, đây là Bồ Tát Đại Thừa. Hoàn toàn khác với Bồ Tát Tiểu Thừa, có thể chủ động đi giúp người khác, tuyệt đối không tự tư tự lợi. Bồ Tát Đại Thừa giác hạnh chưa viên mãn, sau khi viên mãn rồi thì liền thành Phật.

Thứ ba là “Giác mãn”, Bồ Tát mặc dù tự giác giác tha, nhưng còn chưa viên mãn, không chỉ giác tha chưa viên mãn mà tự giác cũng chưa viên mãn. Tiểu thừa tự giác, chỉ là đoạn trừ kiến tư phiền não; vẫn chưa phá trần sa, vô minh. Bồ Tát mặc dù có thể phá trần sa, có thể đoạn trừ vô minh, nhưng vô minh không thể đoạn trừ tận gốc cho nên chưa viên mãn. Vô Minh tổng cộng có 41 phẩm, phá một phẩm chính là Pháp thân đại sĩ. Cho nên nghiêm túc mà nói, trong pháp đại thừa, Bồ Tát có 41 cấp bậc. 41 phẩm vô minh phá được hết rồi thì giác hạnh viên mãn. Giác mãn chính là chứng Phật quả rốt ráo. Cho nên chữ Giác có ba ý nghĩa, đó là ba cấp bậc tu học Phật pháp, ba loại thành tựu. Ví dụ như trường đại học hiện nay có ba học vị, cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ. Tự giác chứng A La Hán quả, cũng giống như cử nhân; giác tha chứng Bồ Tát quả, giống như thạc sĩ; giác mãn, viên mãn rồi, chứng được Phật quả, cũng giống như tiến sĩ, không còn quả vị nào cao hơn nữa, đây là quả vị cao nhất trong nhà Phật. Chữ Phật trong tên kinh chính là Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài chứng được quả vị cứu cánh, đó là tự giác, giác tha viên mãn, chúng ta tôn xưng ngài là Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật là danh hiệu của ngài. Chư Phật Bồ Tát vốn không có danh hiệu. “Danh có thể gọi được không phải là danh thường; Đạo có thể nói được không phải đạo thường”, Bồ Tát làm gì có danh hiệu? Kiến lập danh hiệu của chư Phật Bồ Tát không giống với người thế gian chúng ta đặt tên. Người thế gian đặt tên đều là kì vọng chính mình, hi vọng tương lai danh xứng với thực. Danh hiệu của chư Phật Bồ Tát là đại biểu cho tôn chỉ giáo hóa của các ngài. Cũng giống như dạy học ở trường, bạn dạy ngữ văn, mọi người gọi bạn là giáo viên dạy văn; bạn dạy toán học, mọi người gọi bạn là giáo viên dạy toán. Thêm danh hiệu liền biết bạn dạy môn nào. Đức Phật là hiệu trưởng, Bồ Tát là giáo viên, hiệu trưởng phải đại biểu cho toàn bộ tôn chỉ giáo dục. Thời đại của Thích Ca Mâu Ni Phật cũng là

thời đại mà ngài giáo hóa, cũng chính là giai đoạn trước mắt. Chúng sanh hiện nay không có tâm yêu thương, không có tâm đồng cảm, tự tư tự lợi. Cho nên tôn chỉ giáo dục của đức Phật phải dùng chữ “Thích Ca”. Thích Ca là tiếng Phạn có nghĩa là nhân từ.

Phật giáo dạy con người coi trọng nhân từ, năng nhân, đối đãi chúng sanh phải nhân từ. Đối với chúng ta mà nói, thói quen lớn nhất chính là tán loạn, cả ngày từ sáng đến tối nghĩ ngợi lung tung. Đây là nguồn gốc căn bệnh lầy mạng chúng ta! Tôn chỉ giáo dục của đức Phật, đối với chính mình phải “Mâu Ni”. Hai chữ “Mâu Ni” này, dùng lời hiện nay mà nói tức là tâm địa thanh tịnh, dịch thành “tịch tĩnh”. Thích Ca Mâu Ni có nghĩa là “nhân từ thanh tịnh”. Có thể thấy tôn chỉ giáo dục của đức Phật hoàn toàn được thể hiện ra ngoài danh hiệu.

Ý nghĩa của Thích Ca Mâu Ni chúng ta hiểu rồi, phía trước tại sao lại phải thêm vào hai chữ “Bổn sư”? Bởi vì giáo dục Phật giáo trong giai đoạn này là do ngài lập ra, ngài là người thầy hướng dẫn sớm nhất của chúng ta, cho nên chúng ta cũng gọi ngài là “người thầy căn bản”. Từ xưng hô này chúng ta hiểu được, Phật giáo là giáo dục mà Thích Ca Mâu Ni Phật dùng để dạy hết thầy chúng sanh, không phải là tôn giáo. Kinh Vô Lượng Thọ là bộ kinh mà mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai tận thuyết, chú ý! Thế nào gọi là tận thuyết? Tức là không có vị Phật nào mà không tuyên thuyết. Do đó mà chữ Phật trong tên kinh cũng thể hiện mười phương ba đời hết thầy chư Phật [thuyết], chứ không phải chỉ một mình Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết. Chữ Phật này hàm nghĩa sâu rộng vô tận. Chúng ta tạm nói tới đây thôi.

Thứ hai là chữ “Thuyết”

“Duyệt là vui mừng được như lòng mong mỏi. Phật lấy việc độ sanh làm nguyện, nay chúng sanh cơ duyên chín muồi, có thể tiếp nhận đại pháp Tịnh Độ, rất ráo giải thoát, nên đã mãn tâm nguyện của Ngài”.

Giải thích cho câu này như sau. “Thuyết” và chữ “Duyệt” trong từ “hỷ duyệt”, vào thời xưa là cùng một chữ, hiện nay gọi là chữ đa âm. “Thuyết” nghĩa là hỷ duyệt. Nếu như ngài không vui vẻ thì sẽ không nói. Bởi vì ngài hoan hỉ cho nên mới nói với chúng ta, hơn nữa còn nói một cách chi tiết rõ ràng. Không phải có câu nói như thế này sao? “nói chuyện không hợp nửa câu cũng nhiều”, nhất định là khi vô cùng hoan hỉ mới nói nhiều như vậy. Thuyết pháp có nghĩa là “duyet sở hoài”. Hoài là nguyện vọng trong lòng. Nguyện vọng sắp được thực hiện, cuối cùng cũng đợi được đến ngày này, làm sao mà không hoan hỉ cho được! Nguyện vọng của Phật là độ hóa chúng sanh, dạy dỗ chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Giáo hóa chúng sanh là nguyện vọng duy nhất của đức Phật, chú ý hai chữ duy nhất này. Thầy muốn dạy nhưng chúng sanh không chịu học, vậy thì không còn cách nào nữa. Đức

Phật muốn dạy chúng sanh, có tâm tốt này nhưng chúng sanh không chịu tiếp nhận, cũng là uổng công. Học sinh nhất định phải hoan hỷ tiếp nhận thì thầy cô mới hoan hỷ dạy học, đây gọi là “thầy trò hợp đạo”. Đây là chuyện vui vẻ nhất trên đời. Niềm vui này không phải người thông thường có thể hiểu được. Người xưa có câu “gặp và được dạy anh tài trong thiên hạ là niềm vui”. Hiện nay đức Phật nhìn thấy cơ duyên của chúng sanh đã chín muồi, hoan hỷ tiếp nhận, đặc biệt là có thể tiếp nhận giáo học Tịnh Độ, đức Phật thật sự hoan hỷ không gì bằng.

Trong kinh Vô Lượng Thọ chúng ta thấy được, trong cuộc đời của ngài đức Phật giảng bộ kinh này cảm thấy vui vẻ hơn so với giảng bất kỳ bộ kinh khác, thực sự là niềm vui thù thắng không gì sánh được. Tại sao vậy? Bởi vì bộ kinh này là “hết thảy chúng sanh ngay đời này thành tựu cứu cánh giải thoát”. Câu nói này thật quá quan trọng, chúng ta chia làm ba đoạn để giảng, hết thảy chúng sanh là phạm vi; đời này thành tựu là thời gian; cứu cánh giải thoát là Phật quả viên mãn. Không so sánh thì không biết, vừa so sánh mới biết được bộ kinh này thật tuyệt diệu, đúng là không lời nào tả được! Những bộ kinh điển khác, giải thoát không rốt ráo. Không nói đâu xa, kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa là nhất thừa cứu cánh giải thoát, nhưng mà phải có điều kiện, bạn phải là bậc thượng thượng căn mới được, người có căn tánh thông thường không thể tu học.

Bậc thượng thượng căn tu học có thể đạt được quả vị pháp thân Bồ Tát, [nhưng] không thể thành Phật. Nếu như niệm Phật vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, không bao lâu sau liền có thể viên mãn thành Phật. Cho nên pháp môn niệm Phật mới thực sự giải thoát. Kinh Hoa Nghiêm nếu như không có thập đại nguyện vương ở sau cùng dẫn dắt quay về Cực Lạc thì Hoa Nghiêm sẽ không cứu cánh. Cho nên bộ kinh này thù thắng không gì sánh bằng trong hết thảy kinh điển. Hiện nay đức Phật thấy cơ duyên của chúng sanh đã chín muồi, có thể tiếp nhận pháp môn này, đức Phật vui mừng biết bao! Vô lượng kiếp tới nay, ngài chỉ đợi ngày này, cuối cùng cũng đợi được, ngài vui vẻ biết bao! “Vì thế, nay mới vui vẻ nói ra, thỏa mãn nguyện vọng”, bốn nguyện của ngài đã đạt được.

Ngẫu Ích đại sư có chú giải chữ “Thuyết” trong “Yếu Giải”. “Yếu Giải” là chú giải của kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là cùng một bộ kinh, do đó chú giải kinh A Di Đà hoàn toàn có thể dùng cho kinh Vô Lượng Thọ. Ngài giải thích chữ Thuyết trong tên kinh “Phật Thuyết A Di Đà Kinh” như thế này, “Phật lấy việc độ sanh làm nguyện vọng, cơ duyên chúng sanh thành Phật đã chín muồi” so sánh với câu “ngày nay cơ duyên của chúng sanh đã chín muồi” vừa nói phía trước, thì giữa “chúng sanh” và “cơ duyên chín muồi” ngài thêm hai chữ “thành Phật”, thể hiện cơ duyên thành Phật của chúng sanh đã chín muồi. “Vì thuyết pháp môn khó tin, khiến được cứu cánh giải thoát, nên hoan hỷ vậy”. Chân chánh cứu cánh viên mãn mà Ngẫu Ích đại sư đã nói, trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ đã nói

triệt để rõ ràng. Pháp môn niệm Phật là thuyết cho người mà cơ duyên thành Phật đã chín muồi, đương nhiên người có thể tin tưởng pháp môn niệm Phật này rất ít, là “pháp khó tin” mà, chúng sanh cơ duyên thành Phật chưa chín muồi sẽ không tin pháp môn này, chuyện này không có gì kì quái cả. Nhìn những người xung quanh chúng ta, có giống dáng vẻ sắp thành Phật không? Không giống, tự nhiên họ sẽ không phải là người có cơ duyên với pháp môn niệm Phật. Pháp môn niệm Phật là thuyết cho người có cơ duyên thành Phật chín muồi. Chúng ta hỏi lại chính mình, có phải là sắp thành Phật hay không? Quý vị đồng tu có ai giống dáng vẻ sắp thành Phật không? Cho nên đây là pháp môn khó mà tin được, thật sự khó tin! Pháp môn niệm Phật, người tin tưởng ít cũng là chuyện đương nhiên. Người một đời này có thể thành Phật đích thực không nhiều, nhưng mà người có duyên với pháp môn niệm Phật rất nhiều, kết pháp duyên này, đời này không thành tựu thì đời sau. Phải đợi đến khi nào thì cũng khó mà nói được, có thể là vô lượng kiếp về sau mới có cơ hội gặp lại. Trong kinh điển nói rằng, trong vô lượng kiếp chúng ta từng cúng dường vô lượng vô số chư Phật Như Lai, thiện căn sâu dày như vậy, hiện nay còn phải nhờ tam bảo âm thầm gia trì mới có cơ duyên gặp được. Nếu không làm sao có thể gặp được? Cho nên chúng ta phải trân trọng cơ duyên này, cũng phải nắm chắc cơ duyên này, đời này quyết định phải thành tựu.

Từ hôm nay trở đi, chúng ta phải làm Phật! Không làm chuyện khác nữa, chỉ muốn thành Phật. Không phải có câu nói như vậy sao? “tâm tưởng sự thành”, trong tâm chúng ta nghĩ thành Phật, đương nhiên sẽ thành Phật, nghĩ thành Bồ Tát sẽ thành Bồ Tát. Đây cũng chính là câu trong Phật pháp nói “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Vũ trụ vạn pháp từ đâu mà có? Chính là do chúng ta tưởng tượng mà ra. Trong tâm nghĩ cái gì thì sẽ hiện ra cái đó, cho nên nghĩ Phật thì hiện Phật, nghĩ tam ác đạo thì hiện tam ác đạo. Kinh Vô Lượng Thọ là Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết cho chúng sanh có cơ duyên thành Phật chín muồi. Bạn có phải là người có cơ duyên thành Phật chín muồi không?

Ba là “Đại Thừa”

“Đại Thừa là tỉ dụ, thừa là nghĩa chuyên chở. Kinh này nêu ra, tâm mà có thể niệm vốn là Phật, là chủ thể gánh vác việc lớn. Khởi tâm niệm Phật, niệm niệm làm Phật, vì là đối tượng lớn để gánh vác, nên miễn cưỡng gọi là Đại Thừa.”

Thừa là công cụ giao thông vận chuyển. Đại thừa trong kinh là ví dụ. Danh từ “đại thừa” là bắt đầu dĩ miễn cưỡng lập ra, nên mới nói là “cưỡng danh”. Phật pháp là pháp bình đẳng, không có lớn nhỏ. Đại thừa tiểu thừa là danh xưng được giả thuyết lập ra từ vô số phân biệt chấp trước của chúng sanh, giúp người sơ học dễ dàng hiểu được. Pháp đại thừa là đạo pháp mà Bồ Tát tu học. Lấy cứu thế lợi người làm tôn chỉ, quả vị cao nhất là Phật quả.

Đại thừa là để thuyết cho tiểu thừa, người theo tiểu thừa chỉ cầu lợi ích cho chính mình, mà không có tâm từ bi với người khác. Đại từ đại bi sanh ra từ tâm bình đẳng, tâm Phật là bình đẳng, đức Phật tùy theo căn cơ của chúng sanh mà thuyết pháp, lúc đức Phật còn tại thế, bất kì người nào gặp Phật cũng đều có được lợi ích. Tâm mà có thể niệm của chúng ta vốn là Phật. Phật chính là tâm, tâm chính là Phật. Ý nghĩa của Phật là giác, tâm giác ngộ là Phật, Phật có nghĩa là giác ngộ. Ai giác ngộ? Tâm giác ngộ! Tâm mê là chúng sanh, giác ngộ rồi là Phật, cho nên chúng sanh và Phật bình đẳng, đều là do tâm mà ra. Tâm có giác mê không? Tâm không có giác mê, là người có giác mê. Giác ngộ rồi thì tâm chúng ta gọi là Phật; mê hoặc thì tâm chúng ta gọi là chúng sanh. Thực ra trong chân tâm không có Phật, cũng không có chúng sanh, không có giác, cũng không có mê. “trong Thường tịch quang không có một vật”. Chúng ta lắng lòng thể hội, “tâm mà có thể niệm ấy vốn là Phật”, ý nghĩa của câu này rất sâu. Có thể niệm A Di Đà Phật, tâm này chính là tâm giác. Không niệm A Di Đà Phật, tâm này là tâm mê. Quý vị muốn hỏi, tâm của tôi lúc nào mới có thể giác ngộ? Niệm A Di Đà Phật liền giác ngộ. Lúc nào thì mê? Không niệm A Di Đà Phật liền mê. Đây là sự thực vô cùng chính xác.

Cổ đức giảng, “khởi tâm niệm Phật” là thi giác, bắt đầu giác ngộ; “vị Phật được niệm” chính là A Di Đà Phật mà chúng ta niệm, là bản giác của chúng ta. Khởi tâm niệm Phật là thi giác và bản giác hợp nhất lại. Thi giác và bản giác không hai, đồng là giác, cho nên nói, “nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, niệm Phật thì thành Phật! Bạn quên mất Phật thì liền mê hoặc, liền điên đảo. Vì vậy, câu Phật hiệu này ngày đêm sáu thời chắc chắn không được quên. Đại sư giải thích “đại thừa” theo ý này, viên mãn đến cùng cực. Tâm mà có thể niệm ấy là chủ thể gánh vác việc lớn. Phật mà chúng ta niệm – A Di Đà Phật là cứu cánh giác, đây là đối tượng lớn được gánh vác. Cho nên cổ đức nói rằng, pháp môn niệm Phật là đại thừa trong đại thừa, viên mãn trong viên mãn, chuyên trong chuyên, thật sự không thể nghĩ bàn!

Bốn là “Vô Lượng Thọ”

“Vô Lượng Thọ” hàm nghĩa vô lượng. Chữ “A” trong tiếng Phạn dịch thành “Vô”, “Di Đà” dịch thành “Lượng”. “Vô Lượng” là chỉ hết thảy vô lượng, trí huệ, đức năng, tài nghệ, thọ mạng đều là vô lượng, đều vốn có sẵn. Lục Tổ khi khai ngộ trong hội của Ngũ Tổ đã nói rằng: “nào ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ, nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp”. Vô lượng [thứ] mà chúng ta cầu mong thì thọ mạng là đứng đầu, nếu như tuổi thọ ngắn thì không thành tựu được việc gì, cho nên chữ Thọ trong Vô Lượng Thọ mang tính đại biểu.

Phạn ngữ A Di Đà, ba chữ mật ngữ A Di Đà bao hàm vô lượng ý nghĩa. Hiện nay dịch thành Vô Lượng Thọ là dùng một nghĩa trong đó, “đức hiệu này nêu rõ nhân địa nguyện hạnh của ngài Pháp Tạng cùng với quả địa Phật đức, nêu rõ chủ

khách là y báo và chánh báo ở cõi Cực Lạc, một phen nói ra liền thâm nhiếp hết tất cả”, toàn bộ đều bao hàm trong đó.

Trong tên kinh, ba chữ Vô Lượng Thọ là chủ, quan trọng nhất là ba chữ này. Phạm ngữ A Di Đà phiên dịch thành Vô Lượng Thọ. Ba chữ A Di Đà là mật ngữ, cũng là mật chú, là chú trong chú. Có người hỏi, người niệm Phật có cần niệm chú Lăng Nghiêm, chú Đại Bi, chú Vãng Sanh v.v... không? Nên biết A Di Đà Phật là vua trong các chú, niệm A Di Đà Phật thì không cần niệm những chú kia nữa, đều bao hàm trong câu Chú Vương rồi. Bạn niệm những chú kia không thể bao hàm A Di Đà Phật; bạn niệm A Di Đà Phật thì đều bao hàm những thần chú kia, là thần chú vô thượng, vô thượng đó! Phần cuối trong Tâm Kinh có câu “là đại thần chú. là đại minh chú. là vô thượng chú. là vô đẳng đẳng chú. có thể trừ hết thủy khổ. Chân thực bất hư”, chính là nói A Di Đà Phật, không cần đi tìm cái khác, danh hiệu Di Đà đã là vô thượng thần chú rồi. Danh hiệu bao hàm vô lượng nghĩa.

“Hiện nay dịch là Vô Lượng Thọ, là dùng một nghĩa chủ yếu trong đó”, trên thực tế, trong danh hiệu A Di Đà Phật bao hàm vô lượng thọ mạng, vô lượng quang minh, vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, hết thủy vô lượng đều được bao gồm bên trong. Thủy đều là vô lượng vô biên. Trong vô lượng vô biên, vô lượng nào quan trọng nhất? Đương nhiên là thọ mạng quan trọng nhất. Nếu như không có thọ mạng, cho dù có vô lượng tài phú thì ai được hưởng? Cho nên trong hết thủy vô lượng, thọ mạng đứng đầu. Lấy nghĩa đứng đầu này, quan trọng nhất là vô lượng thọ thực sự, vô lượng thọ chính công. Cũng có đồng tu xem kinh điển rồi nói, tương lai pháp duyên Phật pháp của A Di Đà Phật hết rồi thì Ngài cũng nhập Niết Bàn, Quan Thế Âm Bồ Tát tiếp đó thành Phật. Nói như vậy thì thọ mạng của A Di Đà Phật vẫn là có hạn. Làm sao có thể gọi là Vô Lượng Thọ chứ? Đúng vậy, trong kinh điển Phật thực sự có nói như vậy, sau khi Quan Thế Âm Bồ Tát diệt độ, Đại Thế Chí Bồ Tát tiếp đó thành Phật. Nhưng mà thọ mạng của A Di Đà Phật, bạn tính thử mà xem, có thể tính được không? Trong kinh điển Phật nói rằng, nếu như mười phương chúng sanh đều chứng đắc quả vị Bích Chi Phật, thần thông như Mục Kiền Liên, cùng nhau tính toán, dùng hết thọ mạng cũng chưa tính ra được. Nên chỉ đành nói là Vô Lượng, thật sự là Vô Lượng Thọ.

A Di Đà Phật có thật sự nhập diệt không? Trong kinh nói rằng “đối với hàng trung căn và hạ căn thị hiện diệt độ”. Trong tâm bậc thượng căn, Phật không hề diệt độ; thị hiện diệt độ là để cho người trung hạ căn thấy mà thôi. Có thể thấy diệt độ là thị hiện, không phải là thật, thật sự là vô lượng thọ. Cho nên chúng ta không nên hoài nghi, không nên vọng tưởng. “Đức hiệu này nêu rõ nhân địa nguyện hạnh của ngài Pháp Tạng cùng với quả địa Phật đức, nêu rõ chủ khách gồm y báo và chánh

báo ở cõi Cực Lạc, một phen nói ra liền thâm nhiếp hết tất cả”, toàn bộ thế giới Tây Phương Cực Lạc, một câu A Di Đà Phật đều bao gồm hết thảy, không có pháp nào vượt ra ngoài được. Bộ kinh này, câu nào từ nào cũng được hàm nhiếp trong câu A Di Đà Phật, cũng không thể nào thoát ra khỏi phạm vi của câu A Di Đà Phật. Không chỉ là bộ kinh này, Tây Phương, thậm chí là tận hư không khắp pháp giới, hết thảy y chánh trang nghiêm nơi cõi nước của chư Phật, hết thảy vạn pháp đều không ở ngoài phạm vi một câu A Di Đà Phật. Vậy mới biết được, công đức lợi ích của câu danh hiệu này thật không thể nghĩ bàn.

Pháp môn niệm Phật, mặc dù nhìn thì rất thuận tiện, rất đơn giản, chỉ cần niệm một câu Phật hiệu A Di Đà Phật, vừa dạy là biết, thường niệm sẽ quen. Nhưng muốn niệm cho tốt, niệm tới mức nhất tâm bất loạn, niệm tới mức tam muội thành công thì không hề dễ dàng, cần có một quá trình. Cũng giống như chúng ta cầm một sợi chỉ, xoắn qua 108 hạt chuỗi để gắn chúng lại với nhau, không được để đứt đoạn. Niệm Phật cũng phải như vậy, niệm niệm tương tục, không được gián đoạn. Nhà thơ nổi tiếng Bạch Cư Dị thời nhà Đường, mọi người vô cùng quen thuộc. Ông ấy tu pháp môn niệm Phật vô cùng thành khẩn, ông ấy nói như thế này, tôi đọc nguyên văn những gì ông ấy nói như sau:

Tuổi ta bảy mươi hai; Thơ phú nghĩ ngâm nga.

Xem kinh: mau mỗi mắt; Làm phước ngại bốn ba

Lấy gì độ tâm ta? Một câu A Di Đà.

Đi niệm A Di Đà; Đứng niệm A Di Đà

Ngồi niệm A Di Đà; Nằm niệm A Di Đà

Dầu gắp như tên bắn; Cũng không rời Di Đà.

Trời chiều đường còn xa: Đòi luống qua vô ích

Sớm chiều tâm thanh tịnh; chỉ niệm A Di Đà.

Đây là câu nói của nhà thơ Bạch Cư Dị, ông ấy đã niệm Phật như vậy. Nếu như chúng ta niệm Phật cũng giống như Bạch Cư Dị, thành tâm thành ý buông xuống hết thảy, trì danh niệm Phật thì không ai không thành tựu, đây gọi là niệm niệm không quên, nhất tâm niệm Phật. Tôi từng đọc qua một bài thơ, gọi là Thơ đi đứng nằm ngồi bốn thời niệm Phật. Bây giờ chép ra chia sẻ với quý vị đồng tu. Đi đứng nằm ngồi chia làm bốn đoạn: đi đứng nằm ngồi.

1. Đi

Khi đi nhất chí niệm Di Đà, mỗi bước là thêm một câu qua
Dưới chân thời thời đạo Tịnh Độ, trong tâm niệm niệm thoát Ta Bà
Cảnh xuân tươi đẹp phải quay đầu; Du sơn ngoạn thủy đừng buông thả
Đợi bạn sanh về nơi Cực Lạc; tùy ý mười phương muốn tới lui
Đây là đi niệm Phật. Tiếp theo là đứng

2. Đứng

Lúc đứng niệm Phật dễ quán thân, tứ đại trong thân chẳng chân thật
Ta cùng Di Đà không sai khác, hình bóng trắng sáng đứng ba người
Phòng trống sắp mục khó ở lại, Tịnh Độ tuy xa nhưng dễ sanh
Ngày nào mới như ve thoát xác, đầu thai liên hoa đắc kim thân
Đây là đứng niệm Phật.

3. Ngồi

Lúc ngồi niệm Phật chân xếp bằng, thân tại đài sen hoa đang nở
Hào tướng rõ ràng tùy niệm thấy, kim dung ánh hiện hợp với tâm
Sự như mộng huyễn vốn không tịch, lý được viên dung chẳng có không
Ngày nào liên trì đở chân Phật, đề hồ quán đánh rưới nơi thân.
Cuối cùng là bài kệ Nằm:

4. Nằm

Khi nằm niệm Phật đừng ra tiếng, niệm theo hơi thở dễ trì danh
Bên gối gió nhẹ thu vạn dặm, nửa giường trắng sáng đã ba canh
Bụi trần trong tâm khó phủ được, duy chỉ liên hoa mộng dễ thành
Chợp mắt mơ màng chư Phật hiện, tỉnh rồi nhớ lại vẫn phân minh.

Lúc tôi đọc bài thơ này cảm thấy [bài thơ] nói thật toàn diện, mỗi một người chúng ta đều có thể đạt được lợi ích trong đó. Pháp môn vô lượng vô biên, không có pháp môn nào có thể so sánh với pháp môn này. Hôm nay, người niệm A Di Đà Phật ngoài miệng rất nhiều, người thật sự hiểu được một chút ý nghĩa của câu Phật hiệu không nhiều, thực sự là quá ít. Nếu như thật sự hiểu được thì họ làm sao dám buông

loi. Không dám buông lời, niệm niệm không ngừng, đó là người hiểu được một chút ý nghĩa của câu Phật hiệu. Niệm đó rồi lại quên, niệm đó rồi lại không niệm nữa. Đối với hàm nghĩa của câu Phật hiệu vẫn mơ hồ qua loa, thậm chí là không biết gì cả nên mới có hiện tượng như vậy. Hi vọng chư vị đồng tu ngẫm nghĩ lại đạo lý này, chúng ta mới thực sự có phần nắm chắc, mới thực sự có được lợi ích chân thật, thù thắng vô cùng của pháp môn niệm Phật.

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây thôi. Cảm ơn mọi người!

A Di Đà Phật!